



PHIẾU TỔNG HỢP NỘI DUNG BÀI HỌC
LỚP 4, CHƯƠNG TRÌNH TIẾNG ANH FAMILY AND FRIENDS

UNIT 10: IT'S HOT TODAY! - LESSON 6
(BÀI 10: HÔM NAY TRỜI NÓNG QUÁ! - TIẾT 6)

I. Lesson objectives (*Mục tiêu bài học*)

- *To review the vocabulary and phrases introduced in the unit (ôn tập từ vựng và cấu trúc câu được giới thiệu trong bài)*

II. Lesson content (*Nội dung bài học*)

1. Vocabulary (*Từ vựng*)

Review: Ôn tập

- Weather and outdoor activities: thời tiết và các hoạt động ngoài trời
- Raining/ rainy: mưa/ có mưa
- Windy: có gió
- Hot: nóng
- Cold: lạnh
- Snowing / snowy: tuyết/ có tuyết
- Sunny: có nắng
- Put on the coat / hat ... (+ clothes): mặc áo khoác/ đội mũ ...
- Open the window / door: mở cửa sổ/ cửa ra vào

2. Structures (*Cấu trúc câu*)

- Put on your sun hat, please. Don't put on your coat.
(*Hãy đội mũ vào nhé! Đừng mặc áo khoác!*)
- What's the weather like on ____? (*Thời tiết ... như thế nào?*)
= How's the weather on ____?
- It's ____.(*Trời....*)
- Is it ____ on ____? - Yes, it is. / No, it isn't.
(*Trời.... phải không?*) – *Vâng, đúng rồi/ Không, không phải*
- Is it ____ or __ on Monday? - It's ____.
Trờihay... vào Thứ Hai? – Trời ...

- When it's _____, I / we _____
Khi trời, tôi/ chúng tôi....
- What's the weather like today? (*Hôm nay thời tiết thế nào?*)
- = How's the weather today?
- It's sunny (*trời nắng*)
- Is it _____ today? (*Hôm nay trời phải không?*)
- Yes, it is. / No, it isn't. It's _____ (*Đúng rồi/ Không phải*)

3. Homelink (Dặn dò về nhà)

- Các con học thuộc và luyện viết từ vựng.
- Luyện nói từ vựng và cấu trúc
- Luyện tập/ thực hành những bài tập còn lại con chưa hoàn thiện trên lớp.

Trân trọng cảm ơn sự quan tâm, tạo điều kiện của các Thầy/Cô và Quý vị PHHS trong việc đồng hành cùng con vui học